

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày 11 - 01 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 186/2022/TLPT-DS ngày 16/11/2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thảo: Bà Trịnh Hồng Như, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hạnh K, sinh năm 1963, (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lưu Bình P, sinh năm 1960, (vắng mặt)

3.2. Bà Tiền Thị Xuân L, sinh năm 1960, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 9, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị T trình bày: Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L1 (đã chết trên 30 năm) có khai phá phần đất, sau đó cho bà diện tích đất cha mẹ khai phá để lo thờ cúng ông bà, khi cho đất cha mẹ không làm giấy tờ và phần đất cha mẹ khai phá cũng không kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, sau khi được cha mẹ cho đất bà cũng không kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, trong phần đất cha mẹ cho có phần đất hiện nay bà K đang quản lý, sử dụng, phần đất này do bà K nhận chuyển nhượng của ông Lưu Bình P, khi bà K cất nhà có cắm cột trên mồ mã của gia đình bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hạnh K trả lại phần đất đo đạc thực tế diện tích 143,45m², thuộc thửa 244 và một phần thửa 15, tờ bản đồ 45 (bản đồ lập năm 1997), tại Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn bà Nguyễn Hạnh K trình bày: Các phần đất bà đang quản lý, sử dụng hiện nay có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H diện tích 132m² bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/3/2004, nhận chuyển nhượng của ông Võ Minh T bà cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng của ông Lưu Bình P và bà Tiền Thị Xuân L diện tích 72,6m², nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Út E ngang 6m x dài 15m chỉ làm giấy tay, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà quản lý, sử dụng các phần đất nhận chuyển nhượng cất nhà ở bà T không ngăn cản hay có ý kiến gì, khoảng hơn 07 năm sau bà T mới khởi kiện đòi đất, bà xác định không lấn chiếm đất của bà T, nên nay bà không đồng ý giao trả phần đất đo đạc thực tế diện tích 143,45m² thuộc thửa 244 và một phần thửa 15, tờ bản đồ 45 (bản đồ lập năm 1997) theo yêu cầu của bà T.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi bà Nguyễn Hạnh K giao trả phần đất tranh chấp diện tích 143,45m², thuộc thửa 244 và một phần thửa 15, tờ bản đồ số 45 (bản đồ lập năm 1997), tại Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên số đo các cạnh kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/8/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Hạnh K giao trả phần đất diện tích 143,45m². Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T phát biểu tranh luận và đề nghị: Căn cứ lời khai của bà T và biên bản làm việc do Phòng quản lý đô thị thành phố B lập ngày 29/3/2012 khi bà K xây dựng nhà, biên bản do UBND Phường 1 lập ngày 06/4/2013, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DSST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, buộc bà K giao trả cho bà T phần đất diện tích 143,45m² theo đơn khởi kiện của bà T.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Về sự có mặt của đương sự, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Hạnh K giao trả phần đất diện tích 143,45m², thuộc thửa 244 và một phần thửa 15, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy;

[2.1] Căn cứ biên bản đo đạc, xem xét thẩm định phần đất tranh chấp lập ngày 29/5/2018 và Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập ngày 28/8/2018, phần đất tranh chấp có vị trí, số đo các cạnh như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Hạnh K có số đo 4,83m + 10,17m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Trương Văn K và bà Nguyễn Thị Út E có số đo 7,38m + 5,55m + 2,05m.

- Cạnh hướng Nam giáp hẻm công cộng có số đo 0,87m + 9,13m.

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Hạnh K có số đo 10m.

[2.2.] Hiện trạng phần đất tranh chấp do bà K đang quản lý sử dụng, cất dãy nhà có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây ốp gạch cao 1,2m, nền lát gạch bông gồm 06 phòng cho thuê.

[2.3] Xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp, theo Bà T

xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp do cha mẹ bà là cụ ông Nguyễn Văn Đ và cụ bà Nguyễn Thị L1 khai phá để chôn ông bà cố, khi ông Đ, bà L1 còn sống có cho bà diện tích đất này để thờ cúng ông bà, khi cha mẹ cho đất không làm giấy tờ, phần đất này cha mẹ bà và bà không kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*, theo đó bà T phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng bà T không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh phần đất tranh chấp diện tích 143,45m² do cha mẹ bà khai phá, sau đó cho lại bà Nguyễn Thị T.

Theo Báo cáo kết quả xác minh ngày 25/4/2012 (Bút lục 305 – 307); Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND thành phố B, về việc giải quyết yêu cầu, khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (Bút lục 304) đã xác định bà Nguyễn Thị T là con nuôi của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L1, không phải là con ruột như bà T trình bày, phù hợp với các Biên bản xác minh ông Nguyễn Văn K (là con ruột của ông Đ, bà L1), ông Trần Huỳnh S, bà Trần Thanh T xác nhận phần đất ông Nguyễn Văn Đ mua đất để chôn cất ông, bà nội, những người trên đang trực tiếp trông coi, thờ cúng các ngôi mộ này và không ai lấn chiếm (Bút lục 303). Nên việc bà T cho rằng bà đang quản lý đất thờ cúng là không có căn cứ.

Theo Công văn số 265/CV-CNVPĐKĐĐTĐTPBL ngày 03/8/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B (Bút lục 218) xác định, sổ mục kê lập năm 1997 thửa đất số 15, tờ bản đồ số 45 người đứng tên kê khai là ông Võ Minh T kê khai sử dụng từ trước năm 1976 diện tích 872m², sau đó chỉnh lý chuyển quyền cho bà Âu Thị L còn lại diện tích 142,6m², đến năm 2007 ông Võ Minh T chuyển nhượng cho ông Lưu Bình P, bà Tiên Thị Xuân L diện tích 72,6m², tại thửa đất số 244, tờ bản đồ số 45 ông P, bà L đã được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 047008 ngày 14/01/2008, sau đó ông Lưu Bình P, bà Tiên Thị Xuân L chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Hạnh K.

Như vậy, không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Đ, bà L1 khai phá, sử dụng cho lại bà T và cũng không có căn cứ xác định từ năm 1976 đến nay bà T quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Trợ giúp viên không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T được miễn nộp.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DSST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 157; 158; 165; khoản 2 Điều 244; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi bà Nguyễn Hạnh K giao trả phần đất diện tích 143,45m², tại thửa 244 và một phần thửa 15, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ lập năm 1997), tọa lạc tại Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Hạnh K có số đo 4,83m + 10,17m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Trương Văn K và bà Nguyễn Thị Út E có số đo 7,38m + 5,55m + 2,05m.

- Cạnh hướng Nam giáp hẻm công cộng có số đo 0,87m + 9,13m.

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Hạnh K có số đo 10m.

Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập ngày 28/8/2018, được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 730.000đ (Bảy trăm ba mươi ngàn đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ, bà Nguyễn Thị T đã nộp xong.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn